TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH PT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST-HNGĐ	*TT, ngày 06 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:155/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, giữa:

- *N đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982.

ĐKHKTT: Khu 19, xã X, huyện TT, tỉnh PT.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

ĐKHKTT: Khu 19, xã X, huyện TT, tỉnh PT.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh T, chị N xác định có 03 con chung là cháu Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 04/6/2004; cháu Nguyễn Đức T2, sinh ngày 24/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Thanh X1, sinh ngày 09/12/2012. Hai bên thỏa thuận: Giao con chung là cháu Nguyễn Huyền T1, cháu Nguyễn Đức T2 và cháu Nguyễn Thị Thanh X1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T chấm dứt cho đến khi cháu Nguyễn Huyền T1, cháu Nguyễn Đức T2 và cháu Nguyễn Thị Thanh X1 thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi các con vì anh T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh T và chị N đều không đề nghị giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn T nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000638 ngày 26/10/2020 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh PT. Hoàn trả lại cho Anh T số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TT;
- THA Dân sự huyện TT;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng